

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP CHO ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN TRUNG HỌC CƠ SỞ HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LÊ THỊ PHƯƠNG ĐÀI

Trường THCS Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh

Học viên Cao học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

Email: lethiphuongdai@gmail.com

Tóm tắt: Nghiên cứu làm rõ thực trạng phát triển năng lực nghề nghiệp (PTNLNN) cho giáo viên (GV) trung học cơ sở (THCS) huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả khảo sát trên 285 cán bộ quản lý (CBQL) và GV cho thấy công tác này đã được các trường chú trọng, tuy nhiên, kết quả mới chỉ đạt mức khá. Dựa trên thực trạng khảo sát, nghiên cứu cũng đã đề xuất một số biện pháp nâng cao hiệu quả công tác này.

Từ khoá: Giáo viên trung học cơ sở, phát triển năng lực nghề nghiệp, đổi mới giáo dục.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong hệ thống giáo dục quốc dân, bậc THCS là cầu nối giữa Tiểu học với trung học phổ thông. Bậc giáo dục THCS có một vị trí rất quan trọng trong chiến lược phát triển giáo dục đào tạo thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Để nâng cao chất lượng giáo dục THCS nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay [1], cần đẩy mạnh công tác PTNLNN cho GV bởi lẽ GV là lực lượng nòng cốt, quyết định thành công công cuộc đổi mới. Thực tiễn đã chứng minh có thầy giỏi ắt sẽ có trò giỏi, càng có nhiều thầy giỏi thì càng nhiều trò giỏi, nhiều trò giỏi sẽ bổ sung cho nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng một cách có hiệu quả cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Nhưng một thực tế đáng lo ngại là một bộ phận không nhỏ đội ngũ GV ở các cấp, bậc học hiện nay chưa đáp ứng yêu cầu về nâng cao chất lượng của ngành Giáo dục và xã hội, đặc biệt trước những yêu cầu cấp thiết về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục phổ thông Việt Nam. Thực trạng ấy bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, trong đó có nguyên nhân từ hoạt động PTNLNN cho GV chưa đáp được yêu cầu thực tiễn.

Xuất phát từ thực trạng trên, nghiên cứu đã tiến hành tìm hiểu “**Thực trạng hoạt động PTNLNN cho GV tại các trường trung học cơ sở huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh**”, từ đó đề ra một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động này, góp phần thực hiện thành công việc đổi mới căn bản, toàn diện sự nghiệp giáo dục và đào tạo huyện nhà.

2. PHƯƠNG PHÁP VÀ KHÁCH THỂ NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát trên 285 CBQL và GV các trường THCS huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

Phương pháp nghiên cứu là khảo sát bằng bảng hỏi kết hợp với phỏng vấn. Các thang đánh giá trong bảng hỏi bao gồm:

- Mức độ đồng ý: 1. Hoàn toàn không đồng ý; 2. Phần lớn không đồng ý; 3. Phân vân; 4. Phần lớn đồng ý; 5. Hoàn toàn đồng ý.

- Mức độ cần thiết: 1. Không cần thiết; 2. Ít cần thiết; 3. Khá cần thiết; 4. Rất cần thiết.
- Mức độ thường xuyên: 1. Không bao giờ; 2. thỉnh thoảng; 3. Khá thường xuyên; 4. Rất thường xuyên.
- Kết quả thực hiện: 1. Yếu; 2. Trung bình; 3. Khá; 4. Tốt.

Thời gian tiến hành khảo sát là từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2021.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Nhận thức về mục đích của hoạt động phát triển năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ giáo viên trung học cơ sở

Bồi dưỡng về năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm là nội dung quan trọng trong hoạt động PTNLNN cho đội ngũ GV THCS, bởi lẽ nó không những có tác động đến bản thân mỗi GV mà vấn đề then chốt là nâng cao chất lượng học tập của HS, đến sự phát triển của nền giáo dục nước nhà, đặc biệt là trong giai đoạn đổi mới hiện nay.

Bảng 1. Nhận thức của CBQL, GV về mục đích của hoạt động PTNLNN cho GV THCS

TT	Nhận định	Mức độ (%)					ĐTB	ĐLC
		Hoàn toàn không đồng ý	Phần lớn không đồng ý	Phân vân	Phần lớn đồng ý	Hoàn toàn đồng ý		
1	Hoạt động PTNLNN giúp GV đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục	0.0	1.1	11.9	39.6	47.4	4.33	0.73
2	Hoạt động PTNLNN giúp GV đáp ứng chuẩn nghề nghiệp	0.0	1.8	7.4	46.0	44.9	4.34	0.69
3	Hoạt động PTNLNN giúp GV cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ mới	0.0	1.8	6.0	31.9	60.4	4.51	0.69
4	Hoạt động PTNLNN giúp GV nâng cao ý thức rèn luyện phẩm chất, đạo đức nhà giáo	0.0	2.5	7.4	37.9	52.3	4.40	0.73
5	Hoạt động PTNLNN giúp GV nâng cao ý thức tự học, tự nghiên cứu	1.4	3.9	7.0	38.2	49.5	4.31	0.87
6	Các GV đã được đào tạo tốt ở trường đại học nên không cần phải tổ chức các hoạt động PTNLNN cho GV.	14.4	17.2	12.3	30.2	26.0	3.36	1.40
7	Điều quan trọng nhất là tự bồi dưỡng, vì vậy không cần thiết tổ chức nhiều hoạt động PTNLNN cho GV.	14.4	11.2	15.8	29.1	29.5	3.48	1.39

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$); ĐLC: Độ lệch chuẩn

Số liệu ở bảng 1 cho thấy hầu hết CBQL, GV đã nhận thức được mục đích của hoạt động phát triển nghề nghiệp GV THCS, điều này thể hiện ở ĐTB đạt từ 3.36 đến 4.51, hầu hết là trên 4 điểm, tức tương ứng với mức độ “phần lớn đồng ý”. Trong các mục đích khảo sát, mục đích “*Hoạt động PTNLNN giúp GV cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ mới*” (ĐTB = 4.51) được đánh giá cao nhất.

Bên cạnh đó, các đối tượng khảo sát đã nhận thức được các mục đích cơ bản khác của các hoạt động phát triển nghề nghiệp GV THCS. Đó là: “*Hoạt động PTNLNN giúp GV nâng cao ý thức rèn luyện phẩm chất, đạo đức nhà giáo*”, “*Hoạt động PTNLNN giúp GV đáp ứng chuẩn nghề nghiệp*”, “*Hoạt động PTNLNN giúp GV đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục*”, “*Hoạt động PTNLNN giúp GV nâng cao ý thức tự học, tự nghiên cứu*”.

Đối với mục đích “*Các GV đã được đào tạo tốt ở trường đại học nên không cần phải tổ chức các hoạt động PTNLNN cho GV*”; “*Điều quan trọng nhất là tự bồi dưỡng, vì vậy không cần thiết tổ chức nhiều hoạt động PTNLNN cho GV*”, được đánh giá thấp hơn. Điều đó cho thấy các CBQL, GV đều cho rằng lượng kiến thức đào tạo ở trường đại học là chưa thể đáp ứng cho việc giảng dạy trong thực tế mà cần phải bồi dưỡng liên tục trong quá trình lao động sư phạm, mặt khác bản thân GV cũng cảm thấy cần phải được tổ chức nhiều hoạt động PTNLNN cho GV bên cạnh việc họ tự bồi dưỡng.

Thực tế đã chứng minh, việc hiểu và xác định đúng đắn mục đích khi tham gia vào bất kỳ một hoạt động học tập, nghiên cứu nào, sẽ giúp người học định hướng được toàn bộ quá trình học tập, nghiên cứu, nhìn thấy được cái đích mà hoạt động mình đang thực hiện hướng tới. Từ đó xây dựng nên động cơ học tập nghiên cứu đúng đắn, tạo được động lực giúp họ vượt qua khó khăn trở ngại giúp họ hoàn thành tốt nhiệm vụ của bản thân.

3.2. Thực trạng nội dung phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên trung học cơ sở

Dựa trên chuẩn nghề nghiệp mới năm 2018 của GV phổ thông [2], nghiên cứu đã đưa ra 15 nội dung PTNLNN. Kết quả khảo sát đánh giá về mức độ cần thiết và mức độ thực hiện của các nội dung PTNLNN cho đội ngũ GVTHCS được thể hiện ở bảng 2.

Về mức độ cần thiết: Kết quả bảng số liệu 2 cho thấy các CBQL và GV đều đánh giá sự cần thiết các các năng lực nghề nghiệp cần phát triển, điểm trung bình của các nội dung dao động trong khoảng 3.12 đến 3.77, tương ứng với mức độ “Khá cần thiết” và “Rất cần thiết”. Điều này phản ánh sự quan tâm của GV trong việc PTNLNN nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trước hàng loạt đổi mới của giáo dục. Trong các nội dung, “*Xây dựng phong cách nhà giáo*” được đánh giá cao nhất vì thực tế cho thấy vấn đề đạo đức, tác phong của nhà giáo trong thời gian qua có sự xuống cấp nghiêm trọng của một số GV. Dẫu rằng đây chỉ là những hiện tượng cá biệt, song những hành vi lệch chuẩn này đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường giáo dục, làm xấu hình ảnh của nhà giáo, làm giảm niềm tin của xã hội với giáo dục. Chính vì vậy, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành chỉ thị 1737/CT-BGDĐT về việc tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo năm 2018 [3].

Bên cạnh đó, những nội dung nhằm chuẩn bị cho việc thực hiện chương trình phổ thông mới cũng được đánh giá có tính cấp thiết cao như: “*Xây dựng văn hoá nhà trường*”; “*Thực hiện và xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường*”; “*Phát triển kỹ năng kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh*”, “*Phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện hoạt động dạy học cho học sinh*”, “*Thực hiện quyền dân chủ trong nhà trường*”...

Trong thời đại cách mạng 4.0, “*Ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục*”, là năng lực thiết yếu của người GV THCS, đội ngũ GV trên địa bàn huyện Củ Chi đã nhận thức được điều này, do đó nội dung này có mức đánh giá ở mức *cần thiết* để giúp bản thân GV củng cố mở rộng hơn nữa năng lực công nghệ thông tin. Hiện nay, hầu hết các trường trên địa bàn huyện Củ Chi đều chú ý đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho năng lực sử dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy của đội ngũ GV THCS, đáp ứng nhu cầu muốn nâng cao năng lực công nghệ thông tin của GV.

Trong các nội dung trên, nội dung “*Sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc*” được đánh giá mức độ cấp thiết thấp nhất so với các nội dung bồi dưỡng khác. Mặc dù ngoại ngữ là công cụ đắc lực cho GV trong giao lưu quốc tế, mở rộng kiến thức, song hiện nay, yêu cầu sử dụng ngoại ngữ trong môi trường nhà trường THCS công lập đang còn hạn chế, vì vậy, GV chưa nhận thức được sự cần thiết phải phát triển năng lực này.

Bảng 2. *Đánh giá của CBQL và GV về mức độ cần thiết, mức độ thực hiện của nội dung PTNLNN cho đội ngũ GV THCS*

STT	Nội dung	Mức độ cần thiết		Mức độ thực hiện	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Xây dựng đạo đức nhà giáo	3.77	0.48	3.55	0.66
2	Xây dựng phong cách nhà giáo	3.67	0.56	3.48	0.69
3	Phát triển chuyên môn bản thân	3.75	0.49	3.46	0.65
4	Phát triển kỹ năng xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.	3.65	0.54	3.30	0.69
5	Phát triển kỹ năng sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.	3.68	0.50	3.36	0.62
6	Phát triển kỹ năng kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.	3.56	0.59	3.37	0.65
7	Các kỹ năng tư vấn và hỗ trợ học sinh.	3.41	0.58	3.22	0.58
8	Xây dựng văn hóa nhà trường.	3.48	0.64	3.39	0.62
9	Thực hiện quyền dân chủ trong nhà trường.	3.57	0.58	3.45	0.64
10	Thực hiện và xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường.	3.58	0.60	3.42	0.65
11	Tạo dựng mối quan hệ hợp tác với cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên liên quan.	3.47	0.67	3.32	0.69
12	Phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện hoạt động dạy học cho học sinh.	3.53	0.62	3.33	0.61
13	Phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh.	3.61	0.56	3.35	0.65
14	Sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc.	3.12	0.67	2.99	0.78
15	Ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục.	3.49	0.62	3.33	0.60

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$); ĐLC: Độ lệch chuẩn

Về mức độ thực hiện: Kết quả ở bảng 2 cho thấy phần lớn các nội dung PTNLNN đã được chú trọng ở các trường THCS với mức độ thực hiện trên mức “*khá thường xuyên*”. Trong đó, “*Xây*

dựng đạo đức nhà giáo”, “Thực hiện và xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường”, “Thực hiện dân chủ trong nhà trường” “Phát triển chuyên môn bản thân”, “Xây dựng văn hóa nhà trường” và “Xây dựng phong cách nhà giáo” là những nội dung được chú trọng nhiều trong các nội dung PTNLNN.

Trong tất cả các nội dung, “*Sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc*” được bồi dưỡng thỉnh thoảng, ít thường xuyên hơn. Điều này do thực trạng của các trường THCS vẫn đề ngoại ngữ của GV gần như không có môi trường để thực hành, chủ yếu dựa vào GV dạy môn ngoại ngữ và khả năng tự rèn luyện nhằm nâng cao năng lực ngoại ngữ của chính GV. Do đó để GV cập nhật kiến thức mới và hòa nhập quốc tế nội dung này cần được chú trọng hơn nữa trong thời gian tới.

Từ sự phân tích trên có thể nhận thấy rằng, các CBQL và GV đã nhận thức khá tốt về mức độ cần thiết của nội dung PTNLNN cho đội ngũ GV THPT cũng như đánh giá cao sự cần thiết bồi dưỡng 15 tiêu chí theo chuẩn nghề nghiệp. Tuy nhiên, vẫn còn một số đối tượng khảo sát chưa đánh giá cao năng lực ngoại ngữ và mức độ thực hiện nội dung này cũng thấp nhất. Chính vì vậy, cần thiết phải có những biện pháp để triển khai hiệu quả.

3.3. Hình thức phát triển năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ giáo viên trung học cơ sở

Bảng 3. *Đánh giá của CBQL, GV về mức độ tham gia và hiệu quả của các hình thức PTNLNN cho đội ngũ GVTHCS*

Hình thức	Chọn 5 hình thức thường tham gia			Chọn 5 hình thức có hiệu quả/ thiết thực		
	N	%	Xếp hạng	N	%	Xếp hạng
1. Dự giờ và đóng góp ý kiến	196	68.8	1	216	75.8	1
2. Thực hiện các nghiên cứu / sáng kiến kinh nghiệm	116	40.7	6	136	47.7	6
3. Tham gia tập huấn, hội thảo do cấp trên tổ chức (Phòng, Sở...)	168	58.9	3	194	68.1	3
4. Tham gia tập huấn, hội thảo, sinh hoạt chuyên đề do trường tổ chức	180	63.2	2	208	73.0	2
5. Tham gia hướng dẫn đồng nghiệp hoặc được đồng nghiệp hướng dẫn.	158	55.4	4	177	62.1	4
6. Tham gia vào các nhóm đổi mới.	96	33.7	7	123	43.2	7
7. Tham gia vào mạng lưới GV giữa các trường liên kết với nhau	52	18.2	9	80	28.1	9
8. Tham gia vào các cuộc thi chuyên môn	88	30.9	8	95	33.3	8
9. Cá nhân tự học tập trau dồi chuyên môn	144	50.5	5	146	51.2	5

Hình thức PTNLNN cho GV các trường THCS được thể hiện qua kết quả đánh giá ở bảng 3. Hình thức được sử dụng thường xuyên nhất là hoạt động “*Dự giờ và đóng góp ý kiến*”, đây là hình thức sát với yêu cầu thực tế ở trường THCS và là hình thức tương đối dễ thực hiện và có khả năng áp dụng trên diện rộng, vì vậy hoạt động này được diễn ra thường xuyên ở các trường. Hoạt động “*Tham gia tập huấn, hội thảo, sinh hoạt chuyên đề do trường tổ chức*”, “*Tham gia tập huấn, hội thảo do cấp trên tổ chức (Phòng, Sở...)*” và hoạt động “*Tham gia hướng dẫn đồng nghiệp hoặc được đồng nghiệp hướng dẫn*” cũng được đánh giá là thực hiện khá thường xuyên.

Sở GD&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng GD&ĐT huyện Củ Chi thường tiến hành các lớp tập huấn vào đầu năm học để GV các trường có khả năng đáp ứng được các yêu cầu của năm học mới cũng như thường xuyên tổ chức các chuyên đề cấp thành phố, cấp huyện nhằm nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho GV THCS. Bên cạnh đó, hoạt động “*Tham gia tập huấn, hội thảo, sinh hoạt chuyên đề do trường tổ chức*.” cũng được các trường áp dụng thường xuyên vì gắn với nhu cầu thực tiễn của đội ngũ GV trong nhà trường. Đầu mỗi năm học, các tổ chuyên môn dựa vào tình hình cụ thể về chất lượng các thành viên trong tổ, xây dựng kế hoạch thực hiện chuyên đề thao giảng. Trên cơ sở các đề xuất của tổ chuyên môn, các chỉ đạo của cấp trên, nhà trường xây dựng kế hoạch tập huấn, hội thảo, chuyên đề cấp trường trong năm học. Hoạt động này có nhiều ưu thế vì nó mang tính liên tục, kế thừa, phát triển từ năm học này đến năm học khác, các nội dung về PTNLNN sẽ được mở rộng và đào sâu, gắn với thực tiễn trình độ đội ngũ và điều kiện thực tế của nhà trường. Mỗi năm, nhà trường xây dựng khoảng 2 - 3 chuyên đề cấp trường, mỗi tổ chuyên môn xây dựng hai chuyên đề theo hướng chuyên đề chuyên sâu. Hoạt động “*Tham gia vào các nhóm đổi mới*”, “*Tham gia vào mạng lưới GV giữa các trường liên kết với nhau*” là các hoạt động rất cần thiết trong bối cảnh GD hiện tại khi mà GV buộc phải tìm hiểu phát triển các kỹ năng mới, tham gia giảng dạy những chương trình nội dung mới thì việc trao đổi chia sẻ kinh nghiệm giữa các GV cùng trường và giữa các GV khác trường là điều cần thiết. Tuy nhiên, qua bảng số liệu cho thấy các hoạt động này rất ít được áp dụng ở các trường THCS trong huyện. Nguyên nhân là do điều kiện khách quan về thời gian, mỗi GV kiêm nhiệm nhiều nội dung khác nhau cũng như khoảng cách giữa các trường xa nên chưa áp dụng nhiều hoạt động này vào chương trình PTNLNN cho GV.

Xét về hiệu quả của các hình thức PTNLNN cho GV THCS, theo đánh giá của đa số CBQL và GV hoạt động “*Dự giờ và đóng góp ý kiến*” là hoạt động hiệu quả nhất. Thực tế, việc dự giờ được tiến hành trong tổ chuyên môn với GV cùng bộ môn nên thuận lợi trong việc nâng cao chuyên môn. Việc dự giờ không chỉ giúp cho GV đi dự giờ học tập, đúc kết kinh nghiệm từ tiết dạy của đồng nghiệp mà còn giúp cho họ sáng tạo khi vận dụng, xử lý những tình huống trong dạy học nảy sinh. Tuy nhiên qua trao đổi với một số CBQL và tổ trưởng chuyên môn cho biết: “Việc dự giờ cũng chỉ quay xung quanh những GV trong tổ với những bài quen thuộc nên việc đánh giá tiết học cũng chưa thực sự nghiêm túc, vẫn còn tính e ngại trong khi góp ý đồng nghiệp. Do đó, nhiều tiết dự giờ chỉ mang tính chất hình thức, hợp lệ hồ sơ đánh giá. Vẫn còn tình trạng một số GV “cây” đủ tiết dự giờ vào sổ dự giờ của mình để đối phó với việc kiểm tra nội bộ ở trường, kiểm tra của cấp trên.” Theo đó, cần thay đổi theo hướng đi dự giờ đồng nghiệp là đi học hỏi, được cơ hội sẻ chia, trao đổi để cùng nhau tiến bộ, dạy tốt hơn chứ không phải là chỗ để phê phán lẫn nhau. Hoạt động “*Tham gia tập huấn, hội thảo, sinh hoạt chuyên đề do trường tổ chức*” là một hình thức phát triển nghề nghiệp được GV đánh giá tính hiệu quả cao sau hoạt động “*Dự giờ và đóng góp ý kiến*”. Khi các nhà trường sử dụng hình thức này nghĩa là chúng ta phải xác định được nhu cầu thực tiễn của đội ngũ GV trong trường mình, từ đó xây dựng kế hoạch, nội dung BD cho phù hợp. Bên cạnh đó hoạt động “*Tham gia tập huấn, hội thảo do cấp trên tổ chức (Phòng, Sở...)*” và hoạt động “*Tham gia hướng dẫn đồng nghiệp hoặc được đồng nghiệp hướng dẫn*” được CBQL và GV đánh giá tính hiệu quả khá cao. Hoạt động “*Cá nhân tự học tập, trau dồi chuyên môn*” cũng được đánh giá cao. Hầu hết các GV sẽ tự nhận thức được các mặt hạn chế của bản thân từ đó đưa ra được định hướng và nội dung PTNLNN. Mặt khác, với sự phát triển của công nghệ, việc lựa chọn thông tin chính thống từ nguồn Internet không khó. Do đó, GV tự tìm thông tin hoặc trao đổi với đồng nghiệp để phát triển năng lực bản thân.

Một hoạt động được áp dụng khá nhiều nhưng xét về hiệu quả không cao đó là hoạt động “*Tham gia vào các cuộc thi chuyên môn*”. Về việc tham gia các cuộc thi, một số GV cho rằng

nên giảm thiểu vì nó mang tính chất phổ biến nhiều mà không thực tế. Xuất phát từ thực trạng này, việc đổi mới cách dự giờ cũng như thay đổi cách tổ chức cuộc thi là một điều cần lưu ý đối với các trường và các cấp lãnh đạo ngành giáo dục để làm sao cuộc thi đánh giá đúng và có hiệu quả trong việc nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho những người tham gia thi.

Nhìn chung, kết quả khảo sát cho thấy sự đa dạng trong các hoạt động PTNLNN cho GV THCS. Tuy nhiên, các nhà trường cần chú trọng nhiều vào việc phát huy tính tích cực của các GV cũng như chất lượng tổ chức và cần tăng cường các hoạt động dựa vào nhà trường để xây dựng nhà trường trở thành một cộng đồng học tập hỗ trợ sự cho PTNLNN cho GV, đặc biệt trong thời kì công nghệ thông tin phát triển việc xây dựng các nhóm hoạt động giúp đỡ đồng nghiệp thông qua việc sử dụng những phương tiện công nghệ thông tin giúp cho GV có thể học tập chia sẻ kinh nghiệm dễ dàng.

3.3. Các điều kiện hỗ trợ hoạt động phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên trung học cơ sở

Bảng 4. Đánh giá của CBQL, GV về các điều kiện hỗ trợ hoạt động PTNLNN cho GV THCS

TT	Điều kiện	Mức độ (%)				ĐTB	ĐLC
		Yếu	Trung bình	Khá	Tốt		
1	Cơ sở vật chất cho hoạt động bồi dưỡng (phòng học, thiết bị dạy học, nơi ở, chỗ ăn,...)	0.0	10.5	48.1	41.4	3.31	0.65
2	Tài chính (tiền biên soạn tài liệu, tiền phụ cấp,...)	1.1	10.9	53.3	34.7	3.22	0.67
3	Các chính sách khuyến khích, khen thưởng...	1.1	15.1	41.1	42.8	3.26	0.75

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$); ĐLC: Độ lệch chuẩn

Số liệu ở Bảng 4 cho thấy các điều kiện hỗ trợ hoạt động PTNN cho GV THCS đều ở mức khá. Điều kiện về cơ sở vật chất cho hoạt động PTNLNN được đánh giá cao nhất. Tuy nhiên, thực tế vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu PTNLNN cho GV ở các trường THCS như vẫn thiếu một số thiết bị công nghệ hiện đại, đặc biệt trong bối cảnh Covid như hiện nay thì hệ thống học tập trực tuyến là rất cần thiết.

Điều kiện được đánh giá hạn chế nhất là “Tài chính (tiền biên soạn tài liệu, tiền phụ cấp, ...)”. Hiện nay, chế độ cho các hoạt động PTNLNN chủ yếu là lấy trong kinh phí chi thường xuyên, song nguồn kinh phí này của nhà trường là không nhiều. Cũng vì hạn chế kinh phí nên nhiều hoạt động PTNLNN không được tổ chức thường xuyên như tập huấn, hội nghị, hội thảo, tham quan thực tế,...

3.4. Thực trạng đánh giá kết quả của hoạt động phát triển năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ giáo viên trung học cơ sở

Đề tài yêu cầu người khảo sát đánh giá về kết quả của hoạt động phát triển nghề nghiệp GV theo 4 mức: (1) Yếu; (2) Trung bình; (3) Khá; (4) Tốt. Kết quả được thể hiện ở bảng 5.

Kết quả từ bảng 5 cho thấy tỉ lệ CBQL và GV đánh giá kết quả hoạt động PTNLNN cho đội ngũ GV ở mức “tốt” chiếm 40.7%, trong khi đó mức “Khá” là 44.6% và mức “trung bình” là 14.7%. Điều này cho thấy hoạt động PTNLNN cho đội ngũ GV còn có những hạn chế nhất định và cần phải có những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động này trên địa bàn huyện Củ Chi.

Bảng 5. Đánh giá của CBQL, GV về kết quả hoạt động PTNLNN cho GVTHCS

	Mức độ	Số lượng	Phần trăm
1	Yếu	0	0.0
2	Trung bình	42	14.7
3	Khá	127	44.6
4	Tốt	116	40.7

4. KẾT LUẬN

PTNLNN cho đội ngũ GV nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới là yêu cầu cấp thiết hiện nay của các trường THCS huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu cho thấy các CBQL và GV đã nhận thức được mục đích của công tác này và các trường đã chú trọng triển khai các nội dung bồi dưỡng theo chuẩn nghề nghiệp với các hình thức phong phú, đa dạng. Tuy nhiên, kết quả đạt được của hoạt động chủ yếu được đánh giá ở mức khá, cần được cải thiện. Một số CBQL và GV vẫn chưa nhận thức đầy đủ một số nội dung. Những hình thức tham gia vào các nhóm đổi mới cũng như thực hiện các nghiên cứu và sinh hoạt chuyên môn liên trường chưa được thực hiện nhiều. Điều kiện tài chính và cơ sở vật chất còn những hạn chế nhất định.

Từ thực trạng trên, tác giả đề xuất một số biện pháp sau nhằm nâng cao hiệu quả PTNLNN cho đội ngũ GV các trường THCS huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh:

- Nâng cao nhận thức cho đội ngũ CBQL và GV về các năng lực nghề nghiệp cần phát triển cho giáo viên.
- Đa dạng hoá các hình thức PTNLNN cho đội ngũ GV.
- Tạo điều kiện về cơ sở vật chất và tài chính để GV có thể PTNLNN tốt nhất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban chấp hành trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*. Hà Nội.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT về việc ban hành Quy định chuẩn nghề nghiệp GV cơ sở giáo dục phổ thông*, ngày 22/8/2018, Hà Nội.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chỉ thị số: 1737/CT-BGDĐT về việc tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo*. Hà Nội.

Title: DEVELOPING PROFESSIONAL ACTIVITIES FOR SECONDARY SCHOOL TEACHERS AT CU CHI DISTRICT, HO CHI MINH CITY

Abstract: This study investigates the development of professional activities for secondary school teachers at Cu Chi District, Ho Chi Minh city. Findings from 285 managers and teachers show that this activity focused on this school; however, the results were above average. Some solutions are suggested to improve this situation based on the findings from the survey.

Keywords: Secondary school teachers, professional development, educational innovation.